

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 07/2003/TT-
BLĐTBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2003

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2003 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ

Thi hành Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2003 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1072/VPCP-VX ngày 11 tháng 3 năm 2003; sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Tài Chính, Bộ Nội vụ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

I- ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 01/2003/NĐ-CP gồm:

1- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên và hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sau:

a/ Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, bao gồm: doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp hoạt động công ích; doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang;

b/ Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân;

c/ Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm: doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài;

d/ Doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

đ/ Hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, tổ hợp tác;

e/ Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác, lực lượng vũ trang; kể cả các tổ chức, đơn

vị được phép hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, các hội quần chúng tự trang trải về tài chính;

g/ Cơ sở bán công, dân lập, tư nhân thuộc các ngành văn hoá, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, thể dục thể thao và các ngành sự nghiệp khác;

h/ Trạm y tế xã, phường, thị trấn;

i/ Cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

k/ Các tổ chức khác có sử dụng lao động là những tổ chức chưa quy định tại điểm 1 này.

2- Cán bộ, công chức, viên chức theo Pháp lệnh cán bộ, công chức.

3- Người lao động, xã viên làm việc và hưởng tiền công theo hợp đồng lao động từ đủ 3 tháng trở lên trong các hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

4- Người lao động làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm 1 và điểm 3 mục này, làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 3 tháng, khi hết hạn hợp đồng lao động mà người lao động tiếp tục làm việc hoặc giao kết hợp đồng lao động mới đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đó thì phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

5- Người lao động quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3 và điểm 4 Mục này, đi học, thực tập, công tác, điều dưỡng trong và ngoài nước mà vẫn hưởng tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sử dụng lao động trả thì cũng thuộc đối tượng thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc.

II- CÁC CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG

1- Chế độ trợ cấp thai sản theo quy định tại khoản 2, Điều 1, Nghị định số 01/2003/NĐ-CP như sau:

Lao động nữ có thai, sinh con (không phân biệt số lần sinh con) khi nghỉ việc theo Điều 11 và Điều 12 Điều lệ Bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp thai sản.

2- Cách tính mức lương hưu theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 1 Nghị định số 01/2003/NĐ-CP như sau:

a/ Lao động nam có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm thì được tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, sau đó từ năm thứ 16 trở đi, cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 2%. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A có 35 năm đóng bảo hiểm xã hội, lương hưu được tính như sau:

- 15 năm đầu được tính 45%

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 35 là 20 năm, được tính:

$$20 \text{ năm} \times 2\%/\text{năm} = 40\%$$

- Tỷ lệ để tính lương hưu hàng tháng là: $45\% + 40\% = 85\%$.

Trường hợp này lương hưu hàng tháng chỉ tính bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

b/ Lao động nữ có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm thì được tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, sau đó từ năm thứ 16 trở đi, cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3%. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị B có 26 năm đóng bảo hiểm xã hội, lương hưu được tính như sau:

- 15 năm đầu được tính 45%

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 26 là 11 năm, được tính:

$$11 \text{ năm} \times 3\%/\text{năm} = 33\%$$

- Tỷ lệ để tính lương hưu hàng tháng là: $45\% + 33\% = 78\%$ mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp này lương hưu hàng tháng chỉ tính bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

3- Cách tính mức lương hưu thấp hơn theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 1 Nghị định số 01/2003/NĐ-CP như sau:

a/ Người lao động làm nghề bình thường.

Nam đủ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi, nữ đủ 45 tuổi đến dưới 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì cách tính lương hưu thực hiện theo quy định tại điểm 2 mục II nêu trên, nhưng cứ mỗi năm nghỉ việc trước 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ thì giảm 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn C nghỉ hưu từ 1/4/2003, khi nghỉ hưu 58 tuổi, có 28 năm đóng bảo hiểm xã hội, bị suy giảm khả năng lao động 61%. Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng của ông C được tính như sau:

- Tỷ lệ % để tính lương hưu theo quy định tại điểm 2 Mục II:

+ 15 năm đầu được tính 45%

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 28 là 13 năm được tính thêm 26%

- Tổng cộng: $45\% + 26\% = 71\%$.

- Tỷ lệ % tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 60:

$$(60 \text{ tuổi} - 58 \text{ tuổi}) \times 1\% = 2\%$$

- Tỷ lệ % để tính lương hưu là: $71\% - 2\% = 69\%$

Ví dụ 4: Bà Trần Thị D nghỉ hưu từ 1/2/2003, khi nghỉ hưu 52 tuổi, có 22 năm đóng bảo hiểm xã hội, bị suy giảm khả năng lao động 61%. Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng của bà D được tính như sau:

- Tỷ lệ % để tính lương hưu theo quy định tại điểm 2 mục II:

+ 15 năm đầu được tính 45%

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 22 là 7 năm được tính thêm 21%

Tổng cộng: $45\% + 21\% = 66\%$.

- Tỷ lệ % tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 55:

$$(55 \text{ tuổi} - 52 \text{ tuổi}) \times 1\% = 3\%$$

- Tỷ lệ % để tính lương hưu là: $66\% - 3\% = 63\%$

b/ Người lao động có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên hoặc có 10 năm công tác ở Miền Nam, ở Lào trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 hoặc ở Campuchia trước ngày 31 tháng 8 năm 1989.

Nam đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi, nữ đủ 45 tuổi đến dưới 50 tuổi, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì cách tính lương hưu thực hiện theo quy định tại điểm 2 mục II nêu trên, nhưng cứ mỗi năm nghỉ việc trước 55 tuổi đối với nam, 50 tuổi đối với nữ thì giảm 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 5: Ông Trần Văn Đ là công nhân nghỉ hưu từ 1/4/2003, khi nghỉ hưu 50 tuổi, có 29 năm đóng bảo hiểm xã hội (trong đó có 15 năm làm việc nặng nhọc, độc hại), bị suy giảm khả năng lao động 61%.

Tỷ lệ lương hưu hàng tháng của ông Đ được tính như sau:

- Tỷ lệ % để tính lương hưu theo quy định tại điểm 2 mục II:

+ 15 năm đầu được tính 45%

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 29 là 14 năm được tính thêm 28%

Tổng cộng: $45\% + 28\% = 73\%$

- Tỷ lệ % tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 55:

$$(55 \text{ tuổi} - 50 \text{ tuổi}) \times 1\% = 5\%$$

- Tỷ lệ % để tính lương hưu là: $73\% - 5\% = 68\%$.

Ví dụ 6: Bà Nguyễn Thị E là công nhân nghỉ hưu từ 1/2/2003, khi nghỉ hưu 49 tuổi, có 22 năm đóng bảo hiểm xã hội (trong đó có 15 năm làm việc nặng nhọc, độc hại), bị suy giảm khả năng lao động 61%.

Tỷ lệ lương hưu hàng tháng của bà E được tính như sau:

- Tỷ lệ % để tính lương hưu theo quy định tại điểm 2 mục II:

+ 15 năm đầu được tính 45%

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 22 là 7 năm được tính thêm 21%

Tổng cộng: $45\% + 21\% = 66\%$

- Tỷ lệ % tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 50:

$(50 \text{ tuổi} - 49 \text{ tuổi}) \times 1\% = 1\%$

- Tỷ lệ % để tính lương hưu là: $66\% - 1\% = 65\%$.

c/ Người lao động có ít nhất 15 năm làm nghề đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên (không phụ thuộc vào tuổi đời) thì cách tính lương hưu thực hiện theo quy định tại điểm 2 mục II nêu trên, nhưng cứ mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước 55 tuổi đối với nam, 50 tuổi đối với nữ thì giảm 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 7: Ông Nguyễn Văn H, có 25 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 15 năm làm nghề đặc biệt nặng nhọc. Do sức khỏe yếu, ông H được Hội đồng Giám định Y khoa khám và kết luận suy giảm khả năng lao động 61% và được nghỉ hưu tháng 2/2003, khi nghỉ hưu ông H đủ 48 tuổi.

Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng của ông H được tính như sau:

- Tỷ lệ % để tính hưởng lương hưu theo quy định tại điểm 2 mục II:

+ 15 năm đầu được tính 45%

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 25 là 10 năm được tính thêm 20%

Tổng cộng: $45\% + 20\% = 65\%$

- Tỷ lệ % tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 55:

$(55 \text{ tuổi} - 48 \text{ tuổi}) \times 1\% = 7\%$

- Tỷ lệ % để tính lương hưu là: $65\% - 7\% = 58\%$

d/ Những người nghỉ hưu theo khoản 1 Điều 26 Điều lệ Bảo hiểm xã hội thì cách tính lương hưu theo quy định tại điểm 2 Mục II nêu trên.

đ/ Những người nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 26 Điều lệ Bảo hiểm xã hội nếu thuộc diện đi làm công ăn lương có đóng bảo hiểm xã hội hoặc tham gia công tác coi